

**CÔNG TY TNHH KẾT NỐI VẠN VẬT IOT VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KẾT NỐI VẠN VẬT IOT VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: IOT VIET NAM CONNECTING UNIVERSE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: IOT VIET NAM.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108678859

**3. Ngày thành lập:** 03/04/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

P401 tầng 4 lô V6A - 09 (phố Victoria) Khu đô thị Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website: [www.IoTVietnam.vn](http://www.IoTVietnam.vn)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1811     |
| 2.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1812     |
| 3.  | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1820     |
| 4.  | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3313     |
| 5.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4321     |
| 6.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3314     |
| 7.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3320     |
| 8.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa, môi giới bảo hiểm, chứng khoán)                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4610     |
| 9.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao | 4649     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 10. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4651        |
| 11. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4652        |
| 12. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4659        |
| 13. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4741        |
| 14. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4742        |
| 15. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4791        |
| 16. | Xuất bản phần mềm (Trừ hoạt động xuất bản phần mềm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5820        |
| 17. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: - Đại lý dịch vụ viễn thông;<br>- Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông;<br>- Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6190        |
| 18. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 6201        |
| 19. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6202(Chính) |
| 20. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết:<br>Tư vấn, phân tích, lập kế hoạch, phân loại, thiết kế trong lĩnh vực công nghệ thông tin;<br>Tích hợp hệ thống, chạy thử, dịch vụ quản lý ứng dụng, cập nhật, bảo mật trong lĩnh vực công nghệ thông tin;<br>Thiết kế, lưu trữ, duy trì trang thông tin điện tử;<br>Bảo hành, bảo trì, bảo đảm an toàn mạng và thông tin;<br>Cập nhật, tìm kiếm, lưu trữ, xử lý dữ liệu và khai thác cơ sở dữ liệu<br>Đào tạo công nghệ thông tin | 6209        |
| 21. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6311        |
| 22. | Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6312        |
| 23. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6619        |
| 24. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7020        |
| 25. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7120        |
| 26. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7310        |
| 27. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết:<br>Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển<br>Thiết bị phát thanh, truyền hình và thông tin liên lạc chuyên môn.                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7730        |

|     |                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 28. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                           | 8230 |
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299 |
| 30. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                           | 9511 |
| 31. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                          | 9512 |
| 32. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                        | 9521 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mười tỷ đồng Việt Nam

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ HỒ SƠ ĐIỆN TỬ

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 0107157275

Do: Thành phố Hà Nội

Cấp ngày: 20/03/2019

Địa chỉ trụ sở chính: Số 9 ngõ 76 đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: LƯU TRUNG THẮNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc

Sinh ngày: 31/05/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: B5718410

Ngày cấp: 15/11/2011 Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Mã Long, thôn Mã Kiều, Xã Phương Trung,  
Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm Mã Long, thôn Mã Kiều, Xã Phương Trung, Huyện Thanh Oai,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội